



KHUNG YÊU CẦU TÍCH LŨY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1204/QĐ-ĐHTT ngày 23/9/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

Tên CTĐT: Giáo dục Tiểu học
Mã ngành: 7140202
Chuyên ngành: Giáo dục Tiểu học
Trình độ: Đại học
Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học (VLVH) / Liên thông VLVH

TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Học phần học trước	Số TC	Không được xét	Người học có bằng trung cấp		Người học có bằng cao đẳng		Người học có bằng đại học	
						Học kỳ	Học kỳ		Học kỳ		Học kỳ	
							Ngành phù hợp	Ngành có liên quan	Ngành phù hợp	Ngành có liên quan	Ngành có liên quan	Ngành khác
1	TI2.1.501.2	Nhập môn công nghệ số, tin học và ứng dụng AI			2	1	1		1			1
2	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1			3	1						
3	TL2.1.418.3	Tâm lý học tiểu học			3	1						1
4	TH2.1.080.3	Văn học			3	1	1		1			1
5	TH2.1.073.3	Tiếng Việt 1			3	1	1					1
6	TH2.1.040.2	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán			2	1	1		1			1
7	TN2.1.026.2	Cơ sở tự nhiên - xã hội			2	1						1
8	TC2.1.024.2	Giáo dục thể chất 1			2	1						

TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Học phần học trước	Số TC	Không được xét	Người học có bằng trung cấp		Người học có bằng cao đẳng		Người học có bằng đại học	
						Học kỳ	Học kỳ		Học kỳ		Học kỳ	
							Ngành phù hợp	Ngành có liên quan	Ngành phù hợp	Ngành có liên quan	Ngành có liên quan	Ngành khác
9	NCKH.01.001.3	Phương pháp NCKH			3	4						4
10		Giáo dục thể chất 2			3	2						
11	LL2.1.040.3	Triết học Mác – Lênin			3	2	2		2			2
12	TH2.1.050.3	Tiếng Việt 2		TH2.1.073.3	3	2	1		1			1
13	TH2.1.088.2	Xác suất thống kê			2	1	1		1			1
14	TH2.1.086.3	Số học		TH2.1.040.2	3	2	1		1			1
15	TL2.1.420.3	Giáo dục học			3	2	2					2
16	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2		NN2.1.001.3	3	3						
17	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	LL2.1.040.3		2	3						
18		Giáo dục thể chất 3			2	3	3		3			3
19		Giáo dục Quốc phòng - An ninh			9	2	2		2			2
20	TH2.1.087.3	Toán sơ cấp		TH2.1.086.3	3	3	2		2			2
21	TH2.1.074.3	Tiếng Việt 3		TH2.1.050.3	3	3	2		2			2
22	TL2.1.416.2	Thực hành sư phạm 1			2	3						
23	VD2.1.250.2	Âm nhạc			2	3						3
24	VD2.1.251.2	Mỹ thuật			2	3						3
25	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3		NN2.1.002.3	3	4	3		3			3
26	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương		LL2.1.040.3	2	4						
27	KT2.1.191.2	Khởi nghiệp			2	4						

TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Học phần học trước	Số TC	Không được xét	Người học có bằng trung cấp		Người học có bằng cao đẳng		Người học có bằng đại học	
						Học kỳ	Học kỳ		Học kỳ		Học kỳ	
							Ngành phù hợp	Ngành có liên quan	Ngành phù hợp	Ngành có liên quan	Ngành có liên quan	Ngành khác
28	TN2.1.502.2	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học		TN2.1.501.2	2	4						
29	TH2.1.090.2	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1			2	4						3
30	TH2.1.062.2	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1			2	4						3
31	TH2.1.083.2	Thực hành sự phạm 2		TL2.1.416.2	2	4						
32		Tự chọn nhóm 1			2	4						3
33	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LL2.1.041.2		2	5						
34	LL2.1.014.2	Đạo đức và phương pháp dạy học đạo đức ở tiểu học			2	4	4		4			4
35	TH2.1.058.3	Phương pháp dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội		TN2.1.026.2	3	5	3		2			3
36	TH2.1.091.3	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2	TH2.1.090.2		3	5	4		3			4
37	TH2.1.063.3	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	TH2.1.062.2		3	5	4		3			4
38		Tự chọn nhóm 2			2	5						5

TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Học phần học trước	Số TC	Không được xét	Người học có bằng trung cấp		Người học có bằng cao đẳng		Người học có bằng đại học	
						Học kỳ	Học kỳ		Học kỳ		Học kỳ	
							Ngành phù hợp	Ngành có liên quan	Ngành phù hợp	Ngành có liên quan	Ngành có liên quan	Ngành khác
39		Tự chọn nhóm 3			2	5						5
40	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LL2.1.042.2		2	6						
41	TH2.1.054.3	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học		TH2.1.058.3	3	6	4					4
42	TH2.1.092.2	Dạy học giải toán tiểu học 1		TH2.1.063.3	2	6	3		3			4
43	TH2.1.094.2	Thực hành phương pháp dạy học Toán ở tiểu học		TH2.1.091.3	2	6	3		3			4
44	TH2.1.024.4	Thực tập 1		TH2.1.091.3	4	6						5
45		Tự chọn nhóm 4		TH2.1.054.3	2	6	3		3			6
46	LL2.1.005.2	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo			2	7	5					5
47	TL2.1.415.2	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học			2	7	3		3			3
48	TL2.1.008.2	Giao tiếp sư phạm			2	7	4					4

TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Học phần học trước	Số TC	Không được xét	Người học có bằng trung cấp		Người học có bằng cao đẳng		Người học có bằng đại học	
						Học kỳ	Học kỳ		Học kỳ		Học kỳ	
							Ngành phù hợp	Ngành có liên quan	Ngành phù hợp	Ngành có liên quan	Ngành có liên quan	Ngành khác
49	VD2.1.252.2	Công nghệ và Phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học			2	7	3		3			3
50	TH2.1.089.2	Thực hành sư phạm 3		TH2.1.083.2	2	7	5					5
51	TH2.1.093.3	Dạy học giải toán tiểu học 2		TH2.1.092.2	3	7	4		4			6
52		Tự chọn nhóm 5			2	7						
53	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LL2.1.043.2		2	8	5		4			6
54	TH2.1.025.4	Thực tập 2	TH2.1.024.4		4	8						6
55	TH2.1.056.3	Bồi dưỡng và phát triển năng lực tư duy cho học sinh tiểu học trong dạy học giải toán.	TH2.1.091.3		3	8	5		4			6
56	TH2.1.057.3	Hoạt động giao tiếp với dạy học tiếng Việt ở tiểu học	TH2.1.074.3		3	8	5		4			6
57		Tự chọn nhóm 6			2	8	5		4			5
58		Tự chọn nhóm 7			2	8	5		4			5
Tổng số tín chỉ kỳ 1:					22		18		15			23
Tổng số tín chỉ kỳ 2:					24		21		21			21

TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Học phần học trước	Số TC	Không được xét	Người học có bằng trung cấp		Người học có bằng cao đẳng		Người học có bằng đại học	
						Học kỳ	Học kỳ		Học kỳ		Học kỳ	
							Ngành phù hợp	Ngành có liên quan	Ngành phù hợp	Ngành có liên quan	Ngành có liên quan	Ngành khác
Tổng số tín chỉ kỳ 3:					19		18		21			22
Tổng số tín chỉ kỳ 4:					22		16		17			20
Tổng số tín chỉ kỳ 5:					15		16					16
Tổng số tín chỉ kỳ 6:					15							17
Tổng số tín chỉ kỳ 7:					15							
Tổng số tín chỉ kỳ 8:					16							
Tổng số tín chỉ toàn khóa (không tính HP QPAN)							80		65			110
Tổng số tín chỉ toàn khóa (gồm HP GDTC và GD QPAN)					148		89		74			119